

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về phát triển nông nghiệp hàng hóa tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030

Trong những năm qua, thực hiện các Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp¹, lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh đạt nhiều kết quả tích cực. Giá trị sản xuất ngành giai đoạn 2021 - 2025 tăng bình quân 3,47%/năm. Cơ cấu nội ngành chuyển dịch theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và giá trị gia tăng, tập trung phát triển các ngành hàng, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và thị trường tiêu thụ ổn định; đến hết năm 2025, nông nghiệp chiếm 90,47% (trong đó trồng trọt 45%, chăn nuôi 49%, dịch vụ 6%), lâm nghiệp chiếm 6,33% và thủy sản chiếm 3,21%. Tỉnh đã tập trung phát triển các nhóm sản phẩm chủ lực của tỉnh và các sản phẩm lợi thế, đặc sản của địa phương, thúc đẩy sản xuất an toàn, hữu cơ, hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị dựa trên cơ sở ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, cơ giới hóa, tự động hóa các khâu sản xuất; gắn kết nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp với du lịch sinh thái; sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Phát triển các sản phẩm OCOP gắn với việc xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung, với quy mô tương đối lớn; hình thành chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc sản địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển nông nghiệp của tỉnh vẫn còn một số hạn chế: Hiệu quả sản xuất chưa cao; chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm nông nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương. Các vùng sản xuất tập trung đã được hình thành nhưng quy mô còn nhỏ, chưa gắn kết chặt chẽ với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ; sản xuất nhỏ lẻ, phân tán vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân chưa bền vững; số lượng doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nhất là lĩnh vực chế biến tinh, chế biến sâu còn ít, chưa tạo được nhiều sản phẩm có giá trị gia tăng cao và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

¹ Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 21/10/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về phát triển nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 22/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn về phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, mở rộng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Từ thực trạng trên và yêu cầu phát triển nông nghiệp trong bối cảnh tình hình mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về phát triển nông nghiệp hàng hóa tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 với các nội dung chính như sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Lấy phát triển nông nghiệp là trụ đỡ cho nền kinh tế của tỉnh; là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và toàn xã hội, nhằm góp phần cụ thể hóa định hướng phát triển Thái Nguyên trở thành “cực tăng trưởng” của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, an toàn, hữu cơ; hình thành các vùng sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, chuyên canh tập trung quy mô lớn; phát triển các mô hình du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm gắn với các vùng sản xuất; chuyển mạnh tư duy từ “sản xuất nông nghiệp” sang “kinh tế nông nghiệp” gắn với nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Huy động, tập trung cao nguồn lực, chính sách, tạo sự chuyển biến nhanh trong sản xuất nông nghiệp.

- Phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung phải lấy doanh nghiệp và hợp tác xã làm hạt nhân dẫn dắt; nông dân là chủ thể, là trung tâm và là người thụ hưởng thành quả, thực hiện dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở. Coi khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực đột phá để nâng cao năng lực cạnh tranh và minh bạch hóa chuỗi cung ứng nông sản. Phát triển nông nghiệp hàng hóa gắn với phát triển công nghiệp chế biến, hệ thống dịch vụ logistics, du lịch, bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ môi trường bền vững.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế chiến lược và không gian phát triển mới sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh để xây dựng nền nông nghiệp hàng hóa tập trung, theo hướng hiện đại, có giá trị gia tăng cao và sức cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường. Trọng tâm là hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp chủ lực, chuyên canh quy mô lớn, an toàn, hữu cơ, tuần hoàn, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu dựa trên nền tảng ứng dụng

khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn diện. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, đặc biệt là chế biến tinh, chế biến sâu, dịch vụ logistics; đa dạng hóa sản phẩm gắn với việc bảo tồn thiên nhiên; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa lịch sử và bản sắc văn hóa dân tộc của tỉnh. Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng tích hợp đa giá trị, kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất nông nghiệp với phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm cộng đồng. Nâng cao thu nhập, cải thiện toàn diện đời sống Nhân dân, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển. Phấn đấu đến năm 2030, giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản của tỉnh (*theo giá so sánh năm 2020*) đạt 53.680 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt khoảng 94 triệu đồng/người/năm.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.2.1. Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả, bền vững

Duy trì tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản bình quân 4%/năm; cơ cấu tổng sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản trong cơ cấu kinh tế của tỉnh 8,9%; cơ cấu kinh tế ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản đến năm 2030: Nông nghiệp 87%², lâm nghiệp 9,0%, thủy sản 4,0%.

Đến năm 2030, tổng giá trị sản phẩm thu được từ cây chè đạt trên 25 nghìn tỷ đồng; giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha đất trồng trọt đạt 150 triệu đồng/ha.

2.2.2. Phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực cấp tỉnh có lợi thế cạnh tranh, tham gia thị trường trong nước và xuất khẩu

- Cây chè: Diện tích đạt trên 24.500 ha, sản lượng đạt trên 300.000 tấn, trong đó diện tích chè Shan tuyết 670 ha, sản lượng đạt trên 2.500 tấn; có 250 sản phẩm trà được chứng nhận đạt tiêu chuẩn OCOP 3-5 sao, ít nhất 06 sản phẩm trà đạt tiêu chuẩn OCOP 5 sao; 100% sản phẩm trà và sản phẩm từ chè được thương mại điện tử trên các nền tảng số.

- Chăn nuôi lợn: Quy mô đàn đạt 970 nghìn con, sản lượng thịt hơi đạt 142.000 tấn. Sử dụng các giống cao sản, mở rộng quy mô đàn lợn chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung quy mô lớn, tuần hoàn, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm; chăn nuôi truyền thống với các giống bản địa, lợn lai giữa giống cao sản và giống bản địa, ưu tiên tại các địa phương khu vực phía Bắc của tỉnh.

² Trong đó, trồng trọt 40%, chăn nuôi 55% và dịch vụ 5,0%.

- Chăn nuôi gia cầm: Tổng đàn đạt 21,5 triệu con (*trong đó, đàn gà 21 triệu con*); sản lượng thịt hơi đạt 153.000 tấn (*thịt gà 140.000 tấn*); sản lượng trứng 470 triệu quả. Phát triển các trang trại và các cơ sở chăn nuôi sản xuất hàng hóa lớn theo hướng chăn nuôi công nghiệp với quy mô phù hợp.

- Vùng nguyên liệu gỗ: Diện tích rừng gỗ lớn và diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt 20% tổng diện tích rừng trồng sản xuất. Đẩy mạnh trồng rừng gỗ lớn và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế rừng. Duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng đạt từ 60% trở lên. Diện tích trồng rừng hằng năm đạt 6.000 ha; sản lượng khai thác gỗ rừng trồng bình quân 700.000 m³/năm. Nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm gỗ qua chế biến; nâng cao tỷ lệ sử dụng gỗ nguyên liệu trong tỉnh, giảm dần tỷ lệ gỗ nguyên liệu nhập khẩu.

- Cây quế: Diện tích đạt 18.000 ha. Hình thành và phát triển vùng trồng quế tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; phát triển thương hiệu quế Thái Nguyên.

2.2.3. Phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực cấp xã gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), phát huy tiềm năng, lợi thế của từng địa phương

- Cây lúa: Diện tích gieo trồng hằng năm đạt 88.650 ha, sản lượng đạt 478.700 tấn, trong đó 60% diện tích sử dụng giống lúa năng suất, chất lượng, giống lúa đặc sản, bản địa; có trên 50% diện tích gieo trồng lúa áp dụng các biện pháp kỹ thuật sản xuất lúa an toàn, bền vững. Rà soát, chuyển đổi 6.500 ha đất lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây khác có giá trị kinh tế cao hơn, trồng lúa kết hợp nuôi thủy sản (*trong đó: chuyển đổi sang trồng cây hàng năm là 5.915 ha, chuyển đổi sang trồng cây lâu năm (chè, cây ăn quả) là 390 ha, chuyển đổi sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản là 195 ha*).

- Cây rau, hoa các loại: Diện tích đạt trên 19.500 ha, sản lượng trên 346.000 tấn (*trong đó sản lượng sản xuất chuyên canh, tập trung trên 220.000 tấn*). Mở rộng diện tích gieo trồng những loại rau bản địa có thị trường tiêu thụ tốt như: Bí thơm, Bò khai,... Duy trì những vùng sản xuất rau, hoa tập trung, ưu tiên rà soát những vùng có điều kiện sản xuất phù hợp để sản xuất thâm canh ứng dụng công nghệ cao, an toàn, hữu cơ, trái vụ.

- Cây ăn quả: Diện tích trồng cây na đạt 1.200 ha; cây hồng không hạt đạt 1.100 ha. Duy trì diện tích cây ăn quả có múi hiện có, đầu tư thâm canh, sử dụng giống mới, phù hợp với thị hiếu thị trường, phù hợp với điều kiện sản xuất của từng địa phương. Ưu tiên phát triển thành vùng chuyên canh cây ăn quả, sản xuất an toàn, hữu cơ, rải vụ,...

- Cây dược liệu: Mở rộng diện tích trồng cây dược liệu (*không tính cây Hồi, Quế*) đến năm 2030 đạt trên 750 ha, sản lượng đạt trên 2.200 tấn dược liệu khô. Trong đó, tập trung mở rộng diện tích trồng các loại cây dược liệu quý, sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn thực hành tốt trồng trọt và thu hái của Tổ chức Y tế thế giới (GACP-WHO) như: Nghệ, Gừng, Cà gai leo, Thìa canh, Đinh lăng,...

- Chăn nuôi gia súc: Đàn trâu đạt 65.000 con; đàn bò đạt 70.000 con; sản lượng thịt trâu đạt 9.000 tấn, thịt bò đạt 11.000 tấn. Tập trung chăn nuôi trâu, bò thịt hàng hóa ở các địa phương khu vực phía Bắc của tỉnh và bố trí diện tích đất trồng cỏ để chăn nuôi.

- Cây hồi: Diện tích đạt 4.000 ha. Hình thành và phát triển vùng trồng hồi tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Thủy sản: Diện tích nuôi trồng đạt 7.500 ha, trong đó sản xuất thủy sản theo hướng hàng hóa tập trung, thâm canh và bán thâm canh chất lượng cao đạt 2.500 ha, nuôi cá lồng trên các hồ chứa đạt thể tích nuôi 50.000 m³; tổng sản lượng thủy sản đạt 28.100 tấn. Tiếp tục hình thành, phát triển các vùng nuôi thủy sản tập trung; áp dụng công nghệ mới vào sản xuất, tạo ra khối lượng sản phẩm quy mô hàng hóa phục vụ nhu cầu thị trường.

2.2.4. Phát triển công nghiệp chế biến

- Đầu tư xây dựng ít nhất 03 khu, cụm công nghiệp để thu hút các dự án chế biến sản phẩm nông nghiệp, phân bố tại 03 khu vực (*khu vực phía Bắc tỉnh, khu vực trung tâm và khu vực phía Nam tỉnh*); thu hút đầu tư các nhà máy chế biến tại địa bàn có nhiều sản phẩm nông nghiệp đáp ứng được nhu cầu chế biến tinh, chế biến sâu các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc sản của tỉnh, của địa phương.

- Công nhận mới 15 làng nghề trở lên, trong đó: có ít nhất 05 làng nghề gắn với du lịch; có 675 sản phẩm được chứng nhận đạt tiêu chuẩn OCOP từ 3 sao trở lên (*phát triển thêm 100 lượt sản phẩm*), có ít nhất 15 sản phẩm được chứng nhận OCOP 5 sao quốc gia (*ít nhất có thêm 05 lượt sản phẩm*).

- Thu hút khoảng 100 doanh nghiệp tham gia chuỗi, trong đó ít nhất 30 doanh nghiệp đầu tư chế biến tinh, chế biến sâu. Thu hút trên 20 dự án đầu tư vào chế biến sâu các mặt hàng chủ lực của tỉnh; trong đó tập trung một số dự án như: Nhà máy/cơ sở giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm; chế biến dược liệu, chè, quế.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với việc thực hiện Nghị quyết

Các cấp ủy đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết, tạo sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hiệu quả sản xuất nông nghiệp hàng hóa; thường xuyên nghe báo cáo, theo dõi, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát, kịp thời chấn chỉnh, uốn nắn những hạn chế trong quá trình thực hiện. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ cấp tỉnh, cấp xã phải bám sát cơ sở, thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đôn đốc, nắm chắc tình hình cơ sở, chủ động phối hợp, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, đặc biệt liên quan đến tiếp cận nguồn lực đất đai để thu hút các dự án đầu tư.

Chính quyền các cấp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng kế hoạch cụ thể, xác định các chỉ tiêu đối với từng cây trồng, vật nuôi để có giải pháp tổ chức thực hiện hiệu quả. Tổ chức tuyên truyền và thực hiện tốt các chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa. Thường xuyên theo dõi, động viên, khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực vào phát triển nông nghiệp hàng hóa.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sản xuất nông nghiệp hàng hóa

Tổ chức quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trong tỉnh về sự cần thiết, tính tất yếu và hiệu quả của phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung, nhằm tạo sự đồng thuận cao trong hệ thống chính trị và Nhân dân; tạo chuyển biến trong hành động, thay đổi tư duy trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa, chuyển từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, sản xuất theo tiêu chuẩn, dựa trên tiến bộ khoa học, công nghệ để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Khuyến khích sự tham gia của các tổ chức xã hội nhằm tạo sức mạnh tổng hợp để tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết.

Thường xuyên xây dựng các phóng sự, bài viết, tin... đăng tải lên các phương tiện thông tin đại chúng để thu hút đầu tư và huy động các nguồn lực xã hội vào phát triển sản xuất hàng hóa tập trung. Phổ biến hiệu quả các mô hình liên kết, mô hình sản xuất hàng hóa có hiệu quả cao để tuyên truyền, thuyết phục người dân làm theo. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về hiệu quả của việc sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý sản phẩm.

3. Thực hiện quy hoạch, quản lý đất đai

Tổ chức triển khai hiệu quả Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch sử dụng đất theo quy định của Luật Quy hoạch; bảo đảm tích hợp đồng bộ định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và địa phương, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương và các sản phẩm nông nghiệp chủ lực.

Rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phù hợp với yêu cầu phát triển nông nghiệp hàng hóa; ưu tiên bố trí quỹ đất phục vụ phát triển các vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho tích tụ, tập trung đất đai phục vụ sản xuất quy mô lớn.

Khuyến khích đầu tư xây dựng các cơ sở, nhà máy chế biến nông, lâm sản gắn với vùng nguyên liệu, nhất là các dự án chế biến tinh, chế biến sâu nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư, hoàn thiện hạ tầng các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch; thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật; góp phần nâng cao hiệu quả triển khai các dự án, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thu hút, khuyến khích đầu tư phát triển các dự án điện sinh khối có quy mô, công suất phù hợp với nguồn nguyên liệu từ phụ phẩm nông, lâm nghiệp; góp phần nâng cao giá trị gia tăng ngành nông nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh và giảm phát thải khí nhà kính. Việc đầu tư xây dựng các nhà máy điện sinh khối phải bảo đảm phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt³.

Khuyến khích chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đất canh tác cây trồng kém hiệu quả sang các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao hơn. Khuyến khích nông dân góp giá trị quyền sử dụng đất để hợp tác đầu tư cùng doanh nghiệp. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách nhằm tập trung đất đai để tạo vùng sản xuất hàng hóa tập trung với quy mô đủ lớn. Tạo điều kiện thuận lợi nhất trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài để các tổ chức, cá nhân có điều kiện pháp lý vay vốn ngân hàng và yên tâm đầu

³ (1) Nhà máy điện sinh khối Thái Nguyên, công suất 10MW, tại xã Dân Tiến. (2) Nhà máy điện sinh khối Thái Nguyên 2, công suất 10MW, tại xã Định Hóa. (3) Nhà máy điện sinh khối Bắc Kạn 1, công suất 50MW, tại xã Thanh Thịnh. (4) Nhà máy điện sinh khối Na Rì, công suất 15MW, tại xã Trần Phú. (5) Nhà máy điện sinh khối Chợ Đồn, công suất 10MW, tại xã Chợ Đồn.

tư phát triển sản xuất hàng hóa. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh các quy hoạch, đề án đã được phê duyệt, để hình thành các vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, phát huy tích cực các nội dung tái cơ cấu và hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp.

4. Cơ cấu lại các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa

Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, trong đó giảm dần tỷ trọng ngành trồng trọt, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản. Hình thành, duy trì và phát triển các vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có chất lượng, hiệu quả cao và phát triển bền vững như:

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành trồng trọt đạt bình quân trên 1,2%/năm. Đến năm 2030, cơ cấu ngành trồng trọt chiếm 40% trong cơ cấu nội ngành nông nghiệp của tỉnh. Hình thành và phát triển các vùng sản xuất gắn với đặc điểm sinh thái, lợi thế của từng vùng, trọng tâm là Vùng sinh thái nông nghiệp phía Bắc tập trung phát triển các loại cây trồng chủ lực, đặc sản, bản địa như: Chè Shan tuyết, cây ăn quả có múi (*cam, quýt*), cây ăn quả ôn đới, á nhiệt đới, hồng không hạt, lúa chất lượng cao (*Bao Thai, Japonica, nếp Vải, nếp Khẩu Nua Léch, nếp Tài*),...; Vùng sinh thái nông nghiệp phía Nam tập trung phát triển các loại cây trồng chủ lực, tập trung, năng suất, chất lượng cao, ứng dụng công nghệ cao, nhất là cây chè. Bảo vệ tối đa diện tích trồng chè hiện có; chuyển một phần diện tích rừng sản xuất ngoài quy hoạch, đất vườn, đất trồng lúa hiệu quả thấp sang đất trồng chè. Tiếp tục trồng mới, trồng thay thế diện tích chè cho năng suất thấp bằng những giống chè có năng suất, chất lượng cao, giống đạt tiêu chuẩn,... đến năm 2030 đạt 85-90% tổng diện tích.

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi đạt bình quân 5,5%/năm. Đến năm 2030, cơ cấu ngành chăn nuôi chiếm 55% trong cơ cấu nội ngành nông nghiệp của tỉnh. Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi an toàn dịch bệnh, chuyển dịch mở rộng tại các địa phương khu vực phía Bắc của tỉnh nơi có điều kiện thuận lợi về đất đai và không gian phát triển. Phát triển vùng sản xuất chăn nuôi lợn, gia cầm ứng dụng công nghệ cao tại một số khu vực xa khu dân cư. Phát triển chăn nuôi trâu, bò thịt hàng hóa ở các địa phương khu vực phía Bắc của tỉnh và bố trí diện tích đất trồng cỏ để chăn nuôi. Đồng thời, bảo tồn và phát triển chăn nuôi truyền thống đối với các giống vật nuôi bản địa, đặc hữu, giống lai giữa giống cao sản và giống bản địa có giá trị gia tăng cao, phù hợp với điều kiện sinh thái và tập quán sản xuất của từng địa phương.

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp đạt bình quân 5,5%/năm. Đến năm 2030, cơ cấu ngành lâm nghiệp chiếm 8,5-9% trong tổng cơ cấu nội ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản của tỉnh. Phát triển vùng sản xuất trồng rừng gỗ lớn, quản lý rừng bền vững tạo vùng nguyên liệu bền vững tại một số địa phương, tập trung tại các địa phương khu vực phía Bắc của tỉnh. Nâng cao giá trị sản xuất từ rừng trồng; phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ môi trường và quản lý, bảo vệ phát triển rừng bền vững. Thực hiện giao đất, giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, bảo đảm tất cả diện tích rừng và đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp được giao, cho thuê đến chủ rừng. Xây dựng lộ trình tham gia, phát triển thị trường tín chỉ các-bon rừng.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành thủy sản đạt 6,5%/năm. Đến năm 2030, cơ cấu ngành thủy sản chiếm 4% trong tổng cơ cấu nội ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản của tỉnh. Khai thác hiệu quả tiềm năng mặt nước các hồ chứa để phát triển nuôi trồng thủy sản gắn với bảo vệ môi trường và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; xây dựng, phát triển các vùng nuôi lồng, bè đối với các loài thủy sản có giá trị kinh tế tại các hồ chứa lớn. Tiếp tục rà soát, quy hoạch và phân bổ không gian mặt nước, xác định vùng nuôi trồng thủy sản phù hợp, hiệu quả và bền vững. Thực hiện có hiệu quả nội dung quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản; phòng, chống dịch bệnh; tái tạo, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. Phát triển vùng sản xuất thủy sản truyền thống, nuôi cá nước lạnh đặc sản tại một số địa phương có điều kiện thích hợp.

5. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển hạ tầng vùng sản xuất

Xác định ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chủ yếu trong phát triển nông nghiệp hàng hóa. Tập trung ứng dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ cao, công nghệ số và các tiêu chuẩn chất lượng (*GAP, hữu cơ, an toàn dịch bệnh...*) vào toàn bộ chuỗi giá trị từ khâu sản xuất, thu hoạch, bảo quản đến chế biến và tiêu thụ; nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản.

Chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị và quy trình sau thu hoạch nhằm giảm tổn thất, phát triển công nghiệp chế biến sâu gắn với vùng nguyên liệu tập trung. Ưu tiên đầu tư, khai thác hiệu quả hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất và nguồn nhân lực khoa học - công nghệ phục vụ nghiên cứu, chuyển giao và nhân rộng các mô hình sản xuất nông - lâm - thủy sản xanh, an toàn, hữu cơ, tuần hoàn, công nghệ cao, thông minh. Đẩy mạnh chuyển đổi số ngành nông nghiệp. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh nông nghiệp (*quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, thị trường,...*). Ứng dụng công nghệ, thiết bị mới trong việc quản lý, giám sát tài nguyên rừng, điều tra trữ lượng rừng, đo đếm xác định trữ lượng các-bon.

Mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp áp dụng tiêu chuẩn GAP, hữu cơ, an toàn dịch bệnh, xanh, tuần hoàn; phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn được xác nhận gắn với chuyển đổi số trong quản lý, xây dựng thương hiệu, quảng bá, xúc tiến tiêu thụ nông sản và truy xuất nguồn gốc sản phẩm; tận dụng nền tảng trực tuyến để kết nối tiêu thụ nông sản. Nghiên cứu, đề xuất áp dụng thí điểm mô hình kinh tế không gian tầm thấp trong nông nghiệp tại một số địa bàn phù hợp, đặc biệt khu vực phía Bắc của tỉnh, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương. Ứng dụng công nghệ IoT, Big Data, sinh học, blockchain trong nông nghiệp; ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý an toàn thực phẩm nông lâm sản, đồng thời ứng dụng công nghệ GIS và ảnh viễn thám để thiết kế phần mềm giám sát, phát hiện sớm mất rừng, suy thoái rừng và phần mềm phát hiện sớm, cảnh báo cháy rừng từ ảnh vệ tinh,...

Đẩy mạnh công tác bảo hộ tài sản trí tuệ, phát triển thương hiệu và chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc sản địa phương gắn với xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường quốc tế.

Rà soát, đánh giá các đề tài, dự án khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp đã triển khai trên địa bàn tỉnh, từ đó lựa chọn, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp có tính đột phá, khả năng ứng dụng và nhân rộng cao phục vụ phát triển nông nghiệp của tỉnh; xây dựng, triển khai các đề tài, dự án khoa học và công nghệ, chuyển đổi số đầu tư vào thu hoạch, bảo quản và chế biến sâu và đa dạng các sản phẩm từ nguyên liệu nông nghiệp của tỉnh gắn với công nghiệp chế biến tiêu thụ sản phẩm. Nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng nông sản trên nền tảng số và đổi mới sáng tạo.

6. Về cơ chế chính sách, nguồn lực

Xây dựng chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hàng hóa; trong đó giải quyết vấn đề về đất đai, có cơ chế nâng cao hiệu quả sử dụng đất, huy động nguồn vốn, hỗ trợ ứng dụng khoa học kỹ thuật, xúc tiến thương mại. Thực hiện lồng ghép các Chương trình mục tiêu Quốc gia để xây dựng chính sách nông nghiệp hỗ trợ an sinh xã hội đảm bảo phù hợp mục tiêu của chương trình và điều kiện thực tiễn tại địa phương.

Ưu tiên, bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh để chủ động nguồn lực thực hiện nhiệm vụ. Tăng cường thu hút nguồn lực từ các thành phần kinh tế; khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư liên kết trong phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao hiệu quả và tính bền vững.

Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Tăng cường thu hút các nguồn vốn từ các thành phần kinh tế, ngân sách nhà nước có vai trò hỗ trợ, các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất chủ động trong huy động nguồn vốn. Chống lợi dụng chính sách của Nhà nước, trông chờ ỷ lại vào chính sách, nguồn vốn Nhà nước.

Tăng cường các hoạt động tín dụng cho vay nông nghiệp, nông thôn; cải cách thủ tục và điều kiện cho vay sản xuất nông nghiệp; ưu tiên nguồn vốn cho vay các dự án sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

7. Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất, quản lý trong nông nghiệp, nông thôn

Xây dựng cơ chế hợp tác đa ngành và chuỗi ngành hàng. Cơ cấu lại cây trồng, vật nuôi, sản phẩm phù hợp nhu cầu thị trường và lợi thế của từng địa phương. Phát triển hệ sinh thái kinh tế nông nghiệp theo chuỗi đa giá trị bao gồm công nghiệp chế biến (*chế biến tinh, chế biến sâu*), dịch vụ, du lịch, kinh tế các-bon thấp.

Tổ chức lại sản xuất theo hướng chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa, thúc đẩy liên kết chặt chẽ “6 nhà”. Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân với các trường, viện nghiên cứu. Thực hiện có hiệu quả việc bảo hộ, quản lý và khai thác quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực nông nghiệp.

Hỗ trợ doanh nghiệp nông nghiệp phát triển; khuyến khích, tạo điều kiện để các hộ nông dân tham gia phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác để sản xuất hàng hóa lớn theo chuỗi.

Tổ chức sản xuất vùng nguyên liệu theo hướng liên kết chuỗi giá trị, trong đó nòng cốt là tổ chức nông dân sản xuất thông qua mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác; doanh nghiệp đóng vai trò chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất về đất đai, nước, rừng, khí tượng thủy văn, đa dạng sinh học. Phát triển kinh tế lâm nghiệp, khai thác hiệu quả giá trị đa dụng hệ sinh thái rừng, đồng thời tăng cường quản lý, bảo vệ, phát triển rừng.

Xây dựng hệ thống thông tin thị trường phục vụ công tác quản lý và hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân. Chủ động hội nhập quốc tế, xúc tiến thương mại, mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu cho các sản phẩm nông nghiệp, tránh phụ thuộc vào một số ít thị trường.

Phát triển nông nghiệp gắn với du lịch, phát triển thương hiệu nông sản Thái Nguyên trên nền tảng tri thức bản địa, liên kết sản xuất theo chuỗi gắn với du lịch để phát huy lợi thế, nâng cao giá trị cho các sản phẩm của địa phương như trà Tân Cương, lúa nếp Thầu Dầu, nếp Vải, nếp Khẩu Nua Lếch, nếp Tài, dược liệu, cây rau, cây hoa; cá nước lạnh, sản phẩm quế, hồi,... Khai thác tiềm năng du lịch cộng đồng bằng việc tổ chức các tour trải nghiệm, các lễ hội văn hóa gắn với các vùng sản xuất đặc sản như: Lễ hội trà, Lễ hội na, Lễ hội quýt, Lễ hội quế,... vừa nâng cao thu nhập, vừa quảng bá hình ảnh Thái Nguyên; tăng cường quảng bá mở rộng thị trường xuất khẩu.

Thu hút doanh nghiệp ngoại tỉnh, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã trong tỉnh. Ưu tiên thu hút các doanh nghiệp có uy tín, năng lực đầu tư vào các vùng sản xuất hàng hóa, gắn với bao tiêu sản phẩm.

8. Về xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường

Xác định các sản phẩm hàng hóa có lợi thế cạnh tranh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa để tập trung hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp, hộ nông dân xây dựng hồ sơ, thủ tục đề nghị công nhận nhãn hiệu sản phẩm hàng hóa. Ưu tiên nhãn hiệu tập thể là nhãn hiệu đại diện cho đặc trưng vùng miền của Thái Nguyên, tránh chồng chéo. Khuyến khích các cơ sở sản xuất hàng hóa tập trung áp dụng các quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, an toàn thực phẩm. Đối với những sản phẩm mới, đang trong quá trình hình thành vùng sản xuất, áp dụng thực hiện quy trình sản xuất an toàn, tiến tới sản xuất sản phẩm hữu cơ, phù hợp xu thế thị trường trong nước hiện nay và các thị trường quốc tế.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chứng nhận an toàn thực phẩm, tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức của nhân dân, doanh nghiệp về an toàn thực phẩm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm, chứng nhận về an toàn thực phẩm nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, bảo vệ người tiêu dùng, nâng cao thương hiệu sản phẩm nông nghiệp Thái Nguyên.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ sản phẩm nông sản theo hướng đa dạng hóa các hình thức phân phối, gắn với chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh các hoạt động liên kết vùng, kết nối với các trung tâm logistics trong khu vực các tỉnh phía Bắc và cả nước, hướng tới nghiên cứu hình thành trung tâm logistics của tỉnh thúc đẩy phát triển sản xuất và tiêu thụ nông sản. Chủ động tìm kiếm cơ hội hợp tác, thu hút nguồn lực đầu tư và chuyển giao khoa học - công nghệ; tranh thủ

sự giúp đỡ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế và Trung ương trong đào tạo nguồn nhân lực, quản lý, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, đổi mới công nghệ, hỗ trợ năng lực tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân, góp phần nâng cao chất lượng, giá trị, mở rộng thị trường xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp có thế mạnh của tỉnh như: Chè, gỗ, nấm, các sản phẩm chế biến từ thịt gia súc, gia cầm.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm đồng bộ, hiệu quả.

Đảng ủy các xã, phường thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết do đồng chí Bí thư Đảng ủy làm Trưởng ban; triển khai thực hiện Nghị quyết bằng các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; tích cực huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết. Thực hiện chế độ báo cáo kết quả triển khai theo định kỳ hằng quý, 6 tháng, hằng năm, giữa và cuối giai đoạn (*gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh*).

2. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh trong năm 2026 và giám sát triển khai thực hiện.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức thực hiện Nghị quyết; xác định rõ nội dung, lộ trình, bố trí bảo đảm nguồn lực để triển khai hiệu quả những mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết. Chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai Nghị quyết; tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện định kỳ hằng quý, 6 tháng, hằng năm, sơ kết giữa giai đoạn và tổng kết cuối giai đoạn; kịp thời tham mưu, đề xuất bổ sung, điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn việc quán triệt nội dung Nghị quyết đến các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên và Nhân dân bảo đảm đúng quy định.

5. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc tỉnh lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt chức năng giám sát, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Lựa chọn, xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả để vận động đoàn viên, hội viên triển khai thực hiện, tập trung vào các sản phẩm chủ lực.

6. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy;
- Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

NongVanThang-210

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Trịnh Xuân Trường